TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2018/HS-ST
Ngày: 28/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Văn Tư.

2. Ông Võ Văn Cường.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Kim Liêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2018/TLST- HS ngày 05 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

* Họ và tên: **Huỳnh Văn Đ**; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1993 tại huyện C, tỉnh T; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1972 và bà Lê Thị L, sinh năm 1969; Bị cáo chưa có vợ, con; Anh, chị em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ ba trong trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/4/2018 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* ***Người bị hại:***
1. Anh **Lại Văn M**, sinh năm 1986. (Đã chết)
Đại diện theo pháp luật: Bà **Trương Thị M**, sinh năm 1951.(Có mặt)
Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.
2. Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1971. (Xin vắng mặt)
3. Chị **Trần Thị C** (tên gọi khác T), sinh năm 1976. (Xin vắng mặt)
Cùng cư trú: Ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh T.
4. Anh **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1991. (Có mặt)
Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 22/10/2017 bị cáo Đ cùng với M, T uống rượu tại cầu Ba Sài Lớn thuộc ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T. Đến 20 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Đ điều khiển xe mô tô biển số 63B9-40463 có dung tích xilanh 108 cm^3 chở phía sau lần lượt là T và M, lưu thông từ Cầu Ba Sài lớn đến Quốc lộ 1 rồi lưu thông theo hướng Trung Lương- Mỹ Thuận để đến nhà bạn ở phía sau trạm dừng chân Phương Trang thuộc ấp H, xã H, huyện C tiếp tục uống rượu. Khi bị cáo Đ điều khiển xe đến km 2011 +200m Quốc lộ 1 thuộc ấp H, xã H, huyện C, lưu thông trên làn đường ở giữa. Lúc này, phía trước có xe môtô biển số 63K5-9270 do ông Nguyễn Văn P điều khiển chở chị Trần Thị C lưu thông cùng chiều, nhưng Đ không giảm tốc độ và giữ khoảng cách an toàn với xe chạy liền trước nên để xe do bị cáo Đ điều khiển đụng vào đuôi xe 63K5-9270 gây tai nạn. Hậu quả: Lại Văn M bị thương nặng được đưa đi cấp cứu và tử vong tại Bệnh viện Chợ Rẫy vào ngày 13/10/2017, bị cáo Đ bị thương được cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa khu vực C. Anh P, chị C và anh T bị thương nhẹ, hai xe mô tô 63B9-40463, 63K5-9270 hư hỏng.

Theo biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông lúc 21 giờ 40 phút ngày 22/10/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C lập tại hiện trường ghi nhận:

- Điều kiện thời tiết lúc khám nghiệm: Ban đêm, trời tối việc khám nghiệm phải sử dụng đèn pin và đèn pha xe ô tô.

- Tình trạng hiện trường: Hiện trường bị xáo trộn do quá trình cấp cứu nạn nhân và các phương tiện lưu thông qua lại tại hiện trường;

- Hiện trạng của đoạn đường nơi xảy ra tai nạn: Đường trãi nhựa, đường thẳng, mặt đường phẳng đường có hai chiều xe chạy được chia cách bởi dãy phân cách cố định ở giữa đường. Theo hướng Trung Lương- Mỹ Thuận, phần trong đường bên phải có 3 làn đường xe chạy, làn đường sát dãy phân cách rộng 3,50 mét, làn giữa rộng 3,50 mét và làn đường trong cùng bên phải rộng 1,60 mét.

- Xác định điểm mốc và một trong các mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn:

- Chọn hướng Trung Lương- Mỹ Thuận làm hướng đi chính;

- Chọn vạch sơn trắng liên tục nằm phía bên phải theo hướng đi chính làm mép chuẩn;

- Chọn A là trụ biển báo nguy hiểm "Người đi bộ qua đường" làm mốc chuẩn "A" được cắm bên phải theo hướng đi chính. Từ "A" kéo vuông góc ra mép chuẩn là 2,05 mét.

- Qua quá trình khám nghiệm hiện trường, hiện trường còn để lại các dấu vết, vị trí, kích thước, chiều hướng của phương tiện như sau:

+ Số 1: Vết máu nạn nhân tại hiện trường, vết máu không rõ hình dạng kích thước (0,70 * 0,25) mét, từ tâm vết máu kéo vuông góc vào mép chuẩn là 0,40 mét và kéo về mốc chuẩn "A" là 7,20 mét;

+ Số 2: Vết nhớt của xe để lại tại hiện trường; Vết nhớt không rõ hình dạng kích thước (0,25 x 0,35) mét, từ tâm vết kéo vuông góc vào mép chuẩn là 2,15 mét và kéo về tâm vết máu là 2,30 mét;

+ Số 3: Vị trí xe mô tô 63K5-9270 ngã sau tai nạn, xe ngã sang trái, đầu xe quay về hướng Trung Lương, đuôi xe quay về hướng Mỹ Thuận. Từ trục trước của xe kéo vuông góc vào mép chuẩn là 6,50 mét, từ trục sau của xe kéo vuông góc vào méo chuẩn là 6,10 mét và kéo đến tâm vết nhớt là 4,65 mét;

+ Số 4: Vết cày để lại hiện trường, vết cày dạng thẳng không liên tục theo hướng đi chính, dài 1,85 mét, từ đầu vết vuông góc vào mép chuẩn là 0,80 mét cuối vết kéo vuông góc vào mép chuẩn là 2,10 mét và kéo đến tâm vết nhớt là 3,10 mét;

+ Số 5: Vết chà sát cao su tại hiện trường, vết chà sát dài 0,25 mét, đầu vết kéo vuông góc vào mép chuẩn là 0,90 mét và kéo về đầu vết cày là 7,00 mét, cuối vết kéo vuông góc vào mép chuẩn là 0,90 mét.

Biên bản khám nghiệm hiện trường lúc 08 giờ 00 ngày 09/5/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ghi nhận:

Điều kiện thời tiết lúc khám nghiệm: ban ngày, trời nắng.

Tình trạng hiện trường: Hiện trường được dựng lại dưới sự hướng dẫn và thống nhất của các bên có liên quan;

Hiện trạng của đoạn đường nơi xảy ra tai nạn: Đường trãi nhựa, đường thẳng, mặt đường phẳng đường có hai chiều xe chạy được chia cách bởi dãy phân cách cố định ở giữa đường. Theo hướng Trung Lương- Mỹ Thuận, phần trong đường bên phải có 3 làn đường xe chạy, làn đường sát dãy phân cách rộng 3,50 mét, làn giữa rộng 3,50 mét và làn đường trong cùng bên phải rộng 1,60 mét. (Bổ sung chiều rộng làn đường).

Xác định điểm mốc và một trong các mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn:

Chọn hướng Trung Lương- Mỹ Thuận làm hướng đi chính;

Chọn vạch sơn trắng liên tục nằm phía bên phải theo hướng đi chính làm mép chuẩn;

Chọn A là trụ biển báo nguy hiểm "Người đi bộ qua đường" làm mốc chuẩn "A" được cắm bên phải theo hướng đi chính. Từ "A" kéo vuông góc ra mép chuẩn là 2,05 mét.

Qua quá trình khám nghiệm hiện trường, hiện trường còn để lại các dấu vết, vị trí, kích thước, chiều hướng của phương tiện như sau:

Số 1: Vị trí xe mô tô 63B9-40463 ngã sau tai nạn, xe ngã bên trái, đầu xe quay vào mép chuẩn hơi chếch về hướng Mỹ Thuận, đuôi xe quay ra dãy phân cách cứng, từ trục trước của xe kéo vuông góc vào mép chuẩn là 2,20 mét vào kéo đến mốc chuẩn "A" là 9,90 mét, từ trục sau của xe kéo vuông góc vào mép chuẩn là 3,20 mét được dựng lại dưới sự chỉ dẫn của bà Trần Thị C, sinh năm 1976, thường trú ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh T và được sự thống nhất của các bên có liên quan.

Số 2: Vị trí xe mô tô 63K5-9270 ngã sau tai nạn, xe ngã trùng với vị trí ngã được khám nghiệm hiện trường vào lúc 21 giờ 40 ngày 22/10/2017 tại hiện trường vụ tai nạn vào lúc 21g40 ngày 22/10/2017 tại hiện trường vụ tai nạn giao thông đường bộ xảy ra lúc 20 giờ 30 ngày 22/10/2017, tại Km 2011+200m, Quốc lộ 1 thuộc ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T giữa xe mô tô 63B9-404.63 và xe mô tô 63K5-9270, xe ngã sang trái, đầu xe quay về hướng Trung Lương, đuôi xe quay về hướng Mỹ Thuận, từ trục trước của xe kéo vuông góc vào mép chuẩn là 6,50 mét, từ trục sau của xe kéo vuông góc vào mép chuẩn là 6,10 mét và kéo đến trục sau của xe mô tô 63B9-40463 là 4,45 mét;

Tại biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông lúc 23g00 ngày 22/10/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tiến hành khám xe 63B9-40463 ghi nhận:

- Vè chắn bùn bên phải trước bể kích thước (07 x 03)cm, trầy xướt kích thước (06 x 02)cm;

- Mặt ngoài bên phải bánh trước xướt cao su kích thước (05x 04)cm từ đầu vết cách đầu chữ "C" của chữ "Cheng ShynTire" 2,1cm;

- Phuộc trước bên phải phía dưới xướt cao su kích thước (06 x 03)cm;

- Mũ ốp ghi đông bên phải xướt;

- Đèn chiếu sáng trước bể;

- Đầu tay ghi đông bên trái xướt, mài mòn kích thước (03 x 02)cm;

- Đầu gát chân trước bên trái mài mòn cao su;

- Chân thắng cong ra sau;

Ghi nhận an toàn kỹ thuật của phương tiện: Đèn chiếu sáng của xe còn hoạt động bình thường; Xe không gương chiếu hậu bên trái phải; Xe không đèn xi nhan trái phải; Xe không thắng tay;

Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông lúc 23 giờ 30 ngày 22/10/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tiến hành khám nghiệm xe 63K5-9270 ghi nhận:

- Đầu tay ghi đông bên trái mài mòn cao su; Bửng chắn gió bên trái bể;

- Vè chắn bùn trước mài mòn; Gát chân trước bên trái cong lên trên;

- Gát chân sau bên trái gãy; Mũ ốp sườn bên sau bể; Hệ thống đèn lái bể; Vè chắn bùn phía sau bể; Biển số cong;

Vật chứng thu giữ: Xe mô tô biển số 63B9-40463 ông Nguyễn Văn H, thường trú ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh T đứng tên chủ sở hữu; xe mô tô 63K5-9270 do bà Ngô Thị T, sinh năm 1962, thường trú ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh T đứng tên chủ sở hữu;

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trao trả xe mô tô 63K5-9270 cho bà Nguyễn Thị T;

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu phía bị cáo Đ bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số: 66/CT-VKS ngày 30/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T truy tố Huỳnh Văn Đ về tội: "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Huỳnh Văn T, Nguyễn Văn P, Trần Thị C không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết. Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của bị cáo cho đại diện theo pháp luật của bị hại Lại Văn M là bà Trương Thị M số tiền 1.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đã trao trả lại cho các chủ sở hữu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Huỳnh Văn Đ phải chịu án 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu. Bị cáo thống nhất với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Về trách nhiệm dân sự dù đại diện theo pháp luật của bị hại M không có yêu cầu bồi thường nhưng bị cáo tự nguyện hỗ trợ gia đình bị hại M số tiền 1.500.000 đồng.

- Đại diện hợp pháp của bị hại M là bà Trương Thị M đồng ý nhận sự hỗ trợ của bị cáo Đ số tiền 1.500.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại Huỳnh Văn T về trách nhiệm hình sự bị hại T không có ý kiến gì. Về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường.

- Các bị hại Nguyễn Văn P, Trần Thị C (T) có đơn xin vắng mặt trong đơn nêu rõ ý kiến giữ nguyên ý kiến và lời trình bày tại cơ quan điều tra, không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự. Về trách nhiệm hình sự yêu cầu xem xét

giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đối với các bị hại Nguyễn Văn P, Trần Thị C có đơn xin vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ và đơn xin vắng mặt đã nêu rõ các ý kiến của các bị hại P, C nên việc các bị hại P, C xin vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử, chủ tọa phiên tòa công bố lời khai trong quá trình điều tra của các bị hại xin vắng mặt.

[2] Về hành vi của bị cáo bị truy tố:

Tại phiên tòa bị cáo Đ thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội: Khoảng 18 giờ ngày 22 tháng 10 năm 2017, sau khi bị cáo uống rượu cùng với Huỳnh Văn T và Lại Văn M trên cầu Ba Xoài Lớn thuộc ấp H, xã H, huyện C. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày tại Km 2011 + 200, quốc lộ 1 thuộc ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T, bị cáo Đ điều khiển xe mô tô biển số 63B9-404.63 chở phía sau Huỳnh Văn T, Lại Văn M không giữ khoảng cách an toàn với xe mô tô biển số 63K5-9270 phía trước do anh Nguyễn Văn P điều khiển chở chị Trần Thị C gây tai nạn. Hậu quả Lại Văn M tử vong.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 185 ngày 09/11/2017 của Phòng kĩ thuật hình sự - Công an tỉnh T kết luận nguyên nhân chết của Lại Văn M là do: Nứt xương hộp sọ; Tụ máu dưới nhện, dập nhu mô não ở nạn nhân tai nạn giao thông.

Lời khai nhận tội của bị cáo Đ tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo Đ trong quá trình điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa.

Lỗi dẫn đến vụ tai nạn là do bị cáo Đ khi chưa được cấp giấy phép lái xe hạng A1 mà vẫn điều khiển phương tiện có dung tích xi lanh trên 50cm^3, điều khiển xe chở quá số người quy định, không giữ khoảng cách an toàn với xe chạy liền trước. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 9 Điều 8, khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 30 Luật giao thông đường bộ.

Theo quy định hình phạt về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt thấp hơn quy định tại Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy hiện nay Bộ luật hình sự năm 1999 đã hết hiệu lực pháp luật. Nhưng bị cáo phạm tội tại thời

điểm luật hình sự năm 1999 có hiệu lực pháp luật. Do đó xét thấy cần áp dụng Điều 202, Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định về tội phạm và hình phạt đối với tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" để xét xử bị cáo, là có lợi cho bị cáo và phù hợp quy định pháp luật.

Do đó bản cáo trạng số: 66/CT-VKS ngày 30/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T truy tố Huỳnh Văn Đ về tội: "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Bị cáo Đ là người có đầy đủ năng lực, đủ khả năng để nhận thức được hành vi việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi vô ý do cẩu thả. Lỗi dẫn đến vụ tai nạn là do bị cáo không có giấy phép lái xe theo quy định, uống rượu điều khiển xe chở quá số người quy định, không giữ khoảng cách an toàn với xe chạy liền trước nên gây ra tai nạn giao thông, hậu quả làm chết 01 người, 03 người khác bị thương, hư hỏng 02 xe mô tô đã vi phạm vào khoản 9 Điều 8, khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 30 Luật giao thông đường bộ nên đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến an toàn công cộng, trật tự công cộng do Nhà nước thống nhất quản lý, làm thiệt hại đến tín mạng của con người, gây ra đau thương tang tóc cho gia đình bị hại nên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục vào phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tự nguyện hỗ trợ cho gia đình bị hại mặc dù gia đình bị hại không có yêu cầu. Đồng thời các bị hại Nguyễn Văn P, Trần Thị C và đại diện bị hại bà Trương Thị M xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017.

Theo Công văn số 631 ngày 20/06/2018 của Bệnh viện Đa khoa huyện C thì thời điểm nhập viện không tiến hành xét nghiệm nồng độ cồn trong máu đối với bị cáo Đ. Do đó không có căn cứ để xem xét áp dụng tình tiết định khung tăng nặng theo điểm b khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ;

Ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều khoản truy tố, mức hình phạt và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Huỳnh Văn T, Nguyễn Văn P, Trần Thị C không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết. Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của bị cáo cho đại diện theo pháp luật của bị hại Lại Văn M là bà Trương Thị M số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng (đã thực hiện xong tại phiên tòa).

[5] Về vật chứng:

Chủ sở hữu tài sản đã nhận lại các tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Văn Đ phạm tội: "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

- Xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Huỳnh Văn T, Nguyễn Văn P, Trần Thị C không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết. Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của bị cáo cho đại diện theo pháp luật của bị hại Lại Văn M là bà Trương Thị M số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng (đã thực hiện xong tại phiên tòa).

3. Về vật chứng vụ án: Chủ sở hữu đã nhận lại tài sản nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Huỳnh Văn Đ phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; đại diện hợp pháp bị hại bà Trương Thị M; bị hại Huỳnh Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/11/2018). Riêng bị hại Nguyễn Văn P; bị hại Trần Thị C (T) thời hạn kháng cáo tính từ ngày các bị hại P, C nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện C;
- VKSND tỉnh T;
- TAND tỉnh T;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU